

BỘ THỦY SẢN
VIỆN NGHIÊN CỨU HẢI SẢN
=== ๘ = ๙ * ๘ = ๙ ===

BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ
NGUỒN LỢI CÁ ĐÁY VÀ GẦN ĐÁY
VÙNG BIỂN QUẦN ĐẢO TRƯỜNG SA
QUA NGHỀ CÂU TAY

CHỦ TRÌ CHUYÊN ĐỀ: CN. TRẦN ĐỊNH

THUỘC ĐỀ TÀI
”ĐÁNH GIÁ NGUỒN LỢI SINH VẬT BIỂN VÀ HIỆN TRẠNG MÔI
TRƯỜNG VÙNG BIỂN QUANH ĐẢO TRƯỜNG SA”
(CHƯƠNG TRÌNH ĐẶC BIỆT BIỂN ĐÔNG-HẢI ĐẢO)
CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI: TS NGUYỄN TIẾN CẢNH

6651-11

09/11/2007

HẢI PHÒNG - 2003

NGUỒN LỢI CÁ ĐÁY VÀ GÂN ĐÁY CỦA VÙNG BIỂN QUẦN ĐẢO TRƯỜNG SA QUA NGHỀ CÂU TAY

Trần Đình
VIỆN NGHIÊN CỨU HẢI SẢN

I. MỞ ĐẦU

Trường sa là một quần đảo san hô rộng lớn nằm ở vị trí tiền tiêu phía Đông nam vùng biển nước ta, có tầm quan trọng cực kỳ về kinh tế, quốc phòng cũng như về mặt chủ quyền quốc gia. Vùng biển thuộc quần đảo Trường sa nằm trong phạm vi từ vĩ tuyến $7^{\circ}30'$ đến $11^{\circ}40'N$. Kinh tuyến $109^{\circ}30' - 116^{\circ}20' E$. dài theo hướng Đông bắc - Tây nam, rộng theo hướng Tây bắc - Đông nam. Đảo gần bờ nhất cũng cách bờ biển Việt nam khoảng 425 km. Đây là vùng biển có độ sâu lớn, trung bình từ 2000 - 3000m, chỗ sâu nhất đến 4000m. Quần đảo này bao gồm hàng chục đảo nổi như Song Tử Tây, Song Tử Đông, Nam Yết, Sơn Ca, Sinh Tôn, An Bang, Trường Sa, Phan Vinh... cùng với hàng trăm đảo chìm chỉ nhô lên mặt nước từ 0 - 2m khi nước triều thấp nhất như các đảo Thuyền Chài, Đá Lát, Châu Viên, Chũ Thập, Tốc Tan, Núi Le, Đá nam... còn nhiều đảo khác chưa bao giờ nhô lên khỏi mặt nước như bãi Ba ke, Phúc Tân, Tư chính...chúng chứa ẩn nhiều hải sản quý hiếm có giá trị kinh tế cao. Vì vậy việc nghiên cứu, tìm hiểu kỹ vùng quần đảo này là quan trọng và cần thiết. thế nhưng vùng biển này còn được nghiên cứu ít. Trong thời Pháp thuộc vào những năm 20,30 đã có những kết quả khảo sát đảo Trường Sa, bãi Đá Ngâm, Đá Lát nhờ các tàu De Lanessan, Malicieuse nhưng còn ở mức sơ lược và rất hạn chế. Sau ngày thống nhất đất nước, chúng ta mới có điều kiện nghiên cứu vùng biển này quy mô và toàn diện hơn. Năm 1981 có sự hợp tác nghiên cứu giữa viện sinh vật biển Viễn Đông (Liên Xô cũ) với Viện nghiên cứu Hải sản Hải phòng, Viện nghiên cứu biển Nha trang đã tiến hành nghiên cứu vùng biển quần đảo Trường Sa được một số chuyến biển trên các tàu Kalisto và Berill. Năm 1986 - 1989 được sự giúp đỡ của Hải quân nhân dân Việt nam, Viện nghiên cứu biển Nha trang đã khảo sát được một số đảo thuộc quần đảo Trường Sa như: đảo Nam Yết, đảo Sơn ca, đảo Tốc tan, đảo Vũng mây... trên các tàu HQ 602, HQ 612. tất cả các chuyến biển khảo sát trên thực hiện với nội dung nghiên cứu tổng hợp như: Vật lý, Thủy văn, Địa chất, Địa mạo, Hóa nước, Thực vật trên đảo, Rong biển, Sinh vật phù du, Sinh vật đáy, Trùng cá , Cá bột. Năm 1988 Viện nghiên cứu hải sản Hải phòng, Viện khoa học Việt nam và một số cơ quan có liên quan đã tổ chức chuyến nghiên cứu nguồn lợi hải sản và môi trường vùng biển quần đảo Trường Sa trên tàu Biển Đông. Ngoài những chuyến nghiên cứu này, những năm đầu của thập kỷ 90 ngư dân thuộc các tỉnh Khánh Hòa, Phú Yên, Bình Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu đã rải rác ra khai

thác nguồn lợi hải sản ở khu vực này, nhưng khai thác với số lượng nhiều tàu thuyền và thời gian dài trong năm từ năm 1993 trở lại đây.

Hiện nay lực lượng khai thác ven bờ phát triển nhanh, nguồn lợi khai thác đã đến giới hạn cho phép. Ngành hải sản của chúng ta cần phải phát triển năng lực khai thác, mở rộng ngư trường, tìm thêm những đối tượng khai thác mới nhưng vẫn phải duy trì và bảo vệ nguồn lợi hải sản để sử dụng với mục đích bền vững, lâu dài.

Trước yêu cầu bức thiết của sản xuất, để đánh giá đúng mức và toàn diện nguồn lợi cá ở vùng biển quần đảo Trường Sa nhằm mục đích phát triển kinh tế biển, giữ gìn nền an ninh quốc phòng và đảm bảo chủ quyền của chúng ta đối với vùng biển khơi, chúng tôi đã tiến hành điều tra nghiên cứu nguồn lợi cá ở vùng biển quần đảo Trường Sa từ năm 1994 cho đến nay với đề tài cấp nhà nước “ Điều tra tổng hợp nguồn lợi sinh vật biển thuộc quần đảo Trường Sa “ nằm trong chương trình đặc biệt Biển Đông - Hải đảo của chính phủ Việt nam.

II. TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP.

1. Tài liệu:

Báo cáo này là báo cáo tổng hợp những kết quả của hai giai đoạn nghiên cứu của đề tài, giai đoạn từ năm 1993- 1997 và giai đoạn từ năm 2001 - 2003.

- Giai đoạn 1993 - 1997 đã có những báo cáo:
 - Dẫn liệu ban đầu về tình hình nguồn lợi cá vùng biển quần đảo Trường Sa. Tháng 12/1994. Trần Định. Đào Mạnh Sơn. Trần Chu. Phạm Ngọc Tuyên. Viện Hải sản.
 - Một số kết quả khảo sát nguồn lợi cá vùng biển Trường Sa và Vũng Tàu - Côn Đảo. Năm 1995. Nguyễn Phi Đính. Viện Hải Dương Học.
 - Tình hình nguồn lợi cá khu vực quần đảo Trường Sa. Tháng 12/1995. Trần Định. Trần Chu. Nguyễn Văn Kháng. Phạm Huy Sơn. Nguyễn Hữu Đức. Viện Hải Sản.
 - Kết quả điều tra khảo sát nguồn lợi cá vùng quần đảo Trường Sa. Năm 1997. Nguyễn Phi Đính. Viện Hải Dương Học.
 - Kết quả nghiên cứu nguồn lợi và công cụ khai thác hải sản ở quần đảo Trường Sa. Năm 1997. Bùi Đình Chung và nnk. Viện Hải Sản.
- Giai đoạn 2001- 2003 đã có những báo cáo:
 - Sản lượng và hiệu quả kinh tế của nghề câu tay ở vùng biển thuộc quần đảo Trường Sa đầu năm 2002 của ngư dân huyện Phú Quý - Bình Thuận. Tháng 6/2002. Bách Văn Hạnh. Viện Hải Sản.
 - Báo cáo kết quả tìm hiểu tình hình sản xuất của ngư dân tỉnh Bình Thuận trên vùng biển quần đảo Trường Sa. Tháng 6/2002. Lê Doãn Dũng. Viện Hải sản.
 - Báo cáo kết quả nghiên cứu các chuyến khảo sát tháng 4 - 5 năm 2003. (Phần nguồn lợi). Lại Duy Phương. Phạm Văn Minh.

- Báo cáo kết quả điều tra các nghề khai thác hải sản vùng biển Trường Sa tại Bình Thuận. Tháng 6/2002. Đặng Hữu Kiên. Viện Hải sản.
- Báo cáo kết quả nghiên cứu các chuyến khảo sát tháng 3 - 6/2003 của ngư dân tại vùng biển quần đảo Trường Sa và DK1. Tháng 7/2003. Lê Văn Bôn. Viện Hải Sản.
- Báo cáo hiện trạng nghề khai thác hải sản tại Trường Sa của một số tỉnh Trung Bộ. Tháng 7/2003. Nguyễn Phi Toàn. Viện Hải Sản.

2. Phương pháp.

Chỉ thu thập số liệu nguồn lợi cá đáy và gần đáy (chủ yếu thông qua nghề câu tay) còn nguồn lợi cá nổi, cá san hô...được trình bày ở các báo cáo riêng khác.

- Giai đoạn 1993 -1997:

* Đã có cán bộ khoa học đi khảo sát trên tàu BTH171 TS- công suất 140 cv. từ ngày 10/5 đến 7/6 năm 1995 và tàu BTH 8320 TS - công suất 45 cv. từ ngày 16/4 đến ngày 22/5 năm 1995. Cả hai tàu này đều của ngư dân Phú Quý

* Đã phân tích thành phần sản lượng những sản phẩm khai thác được của ngư dân Phú Quý qua 470 chuyến đi khai thác của các tàu sản xuất tại Trường Sa trong các năm 1995, 1996, 1997 ở bến cá Côn Chà - Phan Thiết. Những tàu này có công suất từ 20 đến 56 cv.

- Giai đoạn từ năm 2001 - 2003:

* Đã có cán bộ khoa học đi khảo sát trên tàu BTH 8639 , tàu BTH 8065 từ tháng 4 đến tháng 5/2002 và trên tàu BTH 8061TS, BTH 8178 TS, BTH 8071TS, KH 9143 TS.

* Cũng như ở giai đoạn đầu, tại bến cá Côn chà, Phú quý - Phan Thiết, đều có cán bộ khoa học thu thập các số liệu về tình hình khai thác của ngư dân (Tàu thuyền, ngư trường khai thác, mùa vụ khai thác, công cụ khai thác và thành phần và sản lượng khai thác...).

III. KẾT QUẢ.

1. Thành phần các loài cá đánh bắt.

Trong cả hai giai đoạn điều tra khảo sát bằng những chuyến biển có cán bộ khoa học thực hiện trực tiếp trên biển cũng như tại các bến cá chúng tôi đã bắt gặp 56 họ, 122 giống, 240 loài. Trong 56 họ có tới 28 họ chỉ có 1 giống 1 loài chiếm 50% tổng số họ bắt gặp. Số họ có từ 5 loài trở lên là 15 chiếm 26.79%. Đặc biệt có 5 họ có số loài nhiều: Seranidae (37 loài), Lutjanidae (28 loài), Carangidae (15 loài), Scombridae (13 loài), Holocentridae (11 loài). Tuy nhiên do điều kiện thu mẫu cũng như thời gian thu mẫu trên các chuyến biển, ở các bến cá mà thành phần cũng như số lượng giống loài thu được ở các đợt khảo sát có khác nhau (Xem bảng 1 và bảng 2).

Bảng 2. Số lượng giống loài thu được qua các đợt khảo sát.

Năm và Tác giả	Số họ	Số giống	Số loài	Số chuyến biển khảo sát
1995.Trần Đình	48	99	177	4. Trực tiếp trên tàu. 184. Tại bến cá.
1996.Nguyễn Phi Đính	21	44	58	1. Trực tiếp trên tàu. và tại bến cá
1997.Nguyễn Phi Đính	16	25	29	Tại bến cá.
2003.Lại duy Phương	24	44	74	3. Trực tiếp trên tàu.
Tổng hợp	56	122	240	8. Trực tiếp trên tàu và chủ yếu tại bến cá.

Mặc dù khi tổng hợp chúng tôi đã gặp 56 họ, 122 giống và 240 loài nhưng khi phân tích mẫu sản lượng các tàu thuyền sản xuất tập trung về bến trong những năm 1995, 1996, 1997 cũng như phân tích trực tiếp trên các tàu khai thác ở năm 2003 cho thấy ở từng chuyến biển khai thác của một tàu thường gặp 11 - 17 họ, 17 - 27 giống và 20 - 46 loài.

(Lại duy Phương. Báo cáo kết quả nghiên cứu các chuyến khảo sát tháng 4-5/2003).

Những họ có sản lượng cao trong khai thác: Họ cá Hồng (Lutjanidae), họ cá Hề (Lethrinidae), họ cá Khế (Carangidae), họ cá Mú (Serranidae), họ cá Thu Ngừ (Scombridae). Trong đó họ cá Hồng luôn chiếm tỷ lệ cao trong sản lượng. (Xem bảng 3.)

Tùy theo từng chuyến biển, theo từng ngư trường khai thác mà tỷ lệ này có thể dao động trong khoảng 28.23 – 92.03% cho mỗi chuyến biển riêng biệt. (Lại Duy Phương. Báo cáo kết quả nghiên cứu các chuyến khảo sát tháng 4-5 năm 2003).

Bảng 3. Tỷ lệ % sản lượng họ cá Hồng Lutjanidae qua các năm khảo sát.

Năm	1995	1996	1997	2003
Tỷ lệ % sản lượng	45	63.2	58.7	40.8

Trong họ cá Hồng Lutjanidae có 2 loài cá đồng trắng (Pristipomoides multidens = Pristipomoides typus.) và cá đồng đen (Pristipomoides filamentosus) chiếm tỷ lệ cao nhất. Riêng 2 loài này thường xuyên chiếm tới 35-46% sản lượng cá khai thác

được của nghề câu cá gần đáy Trường Sa. Thậm chí có chuyến biển 2 loài cá này chiếm tới 92.22% sản lượng. (Lại Duy Phương. Báo cáo kết quả nhiên cứu các chuyến khảo sát tháng 4-5 năm 2003).

Họ cá Khế Carangidae tuy là cá nổi nhỏ nhưng cũng chiếm tỷ lệ từ 3.8 - 18.7%, sự dao động giữa các năm khá lớn.

Họ cá Hề Lethrinidae dao động từ 7.4 - 17.2% nhưng không có loài nào trong họ này chiếm trên 2.5%.

Họ cá Mú Serranidae cũng có tỷ lệ thấp chỉ chiếm 9.5 - 16.7%.

Riêng họ cá Thu Ngừ chưa phải là nghề khai thác thích hợp nên tỷ lệ thấp 2.3 - 4.3%.

So sánh sản lượng và tỷ lệ % của các họ và các loài cá khai thác chủ yếu của nghề câu của tàu thuyền sản xuất tại vùng quần đảo Trường Sa trong 3 năm 1995,1996,1997 cho thấy trị số % của sản lượng và tỷ lệ % của các loài cá trong các năm ít thay đổi và thứ tự thành phần các loài về mặt tỷ lệ không thay đổi.(Nguyễn Phi Đính. 1997. Kết quả điều tra khảo sát nguồn lợi cá vùng quần đảo Trường Sa)

2. Sản lượng và năng suất đánh bắt.

Khảo sát 22 chuyến biển của 22 chiếc tàu câu tay ở tháng 4-5/2003 của ngư dân Phú Quý - Bình Thuận khai thác hải sản tại vùng biển quần đảo Trường Sa và DK1 cho thấy một chuyến biển 15-20 ngày, với số ngày câu 8-12 ngày, sản lượng trung bình đạt 1935 kg/tàu/chuyến. Sản lượng cao nhất đạt 3000kg/tàu/chuyến, thấp nhất đạt 800kg/tàu /chuyến. Năng suất khai thác trung bình đạt 21.16kg/người/ ngày.Đặc biệt có người câu được 41.70kg/ngày(Lê Văn Bôn.2003. Báo cáo kết quả nghiên cứu các chuyến khảo sát tháng 3 - 6/2003 trên các tàu sản xuất của ngư dân tại vùng biển quần đảo Trường Sa và DK1). Sản lượng và năng suất khai thác này tương đối ổn định qua các năm điều tra khảo sát.

3. Dự tính trữ lượng cá đồng trắng (*Pristypomoides multidens*=*Pristypomoides typus*) và cá đồng đen (*Pristypomoides filamentosus*).

Cá đồng trắng và cá đồng đen thuộc họ cá hồng Lutjanidae sống ở tầng nước gần đáy. Cá đồng trắng sống ở độ sâu 40 - 100 m còn cá đồng đen sống ở độ sâu 90 - 360 m. Hai loài cá này là đối tượng khai thác thường xuyên và chủ yếu của nghề câu tay. cá đồng trắng đánh bắt ở Trường Sa có chiều dài thân là 32 - 70 cm, tập trung 38- 64 cm, cá đồng đen là 32 - 60 cm, tập trung ở 36 - 50 cm. Chiều dài này tương đối ổn định qua các năm khai thác.

Kết quả tính trữ lượng 2 loài cá đồng theo phân tích thế hệ Jones dựa vào thành phần chiều dài như sau:

Cá	Trữ lượng	Khả năng khai thác
Đồng trắng	566.67 tấn	183 tấn
Đồng đen	148.37 tấn	74 tấn

Trên cơ sở đó bước đầu dự tính trữ lượng cá sống tầng nước gần đáy và đáy(khai thác bằng nghề câu tay) là 1633 - 2380 tấn. Trung bình 1937 tấn. (Nguyễn Phi Đính. 1997. Kết quả điều tra khảo sát nguồn lợi cá vùng quần đảo Trường Sa).

4. Ngư trường khai thác

Vùng biển thuộc quần đảo Trường Sa rộng lớn nhưng vùng biển phía bắc quần đảo ít được ngư dân khai thác mà tập trung chủ yếu ở phía Tây, Nam, Đông của quần đảo, cụ thể tập trung nhiều quanh các đảo: Đá Lát, Đá Tây, Thuyền Chài, Trường Sa, Tốc Tan, Nam Yết, Sinh Tôn, Tiên Nữ, Phan Vinh, Cây Cỏ, Chũ Thập, Đá Lớn và đặc biệt nghề câu tay hoạt động mạnh ở khu vực Phúc Tần, Phúc Nguyên, Tư Chính, Ba ke. Nơi có độ sâu khoảng 70 - 100 m nước

5. Mùa vụ khai thác.

Vùng biển thuộc quần đảo Trường Sa là ngư trường xa bờ, thường xuyên có bão xuất hiện vào vụ Nam nên các tàu hoạt động khai thác hải sản tại vùng biển này chủ yếu từ sau tết Nguyên Đán đến cuối tháng 5 âm lịch hàng năm, các tháng khác tàu phải chuyển sang làm các nghề khác như: mảnh mực, lưới rê, câu mực ở những ngư trường gần bờ.

Trong mùa vụ khai thác các tàu thuyền thường thực hiện được từ 2 - 4 chuyến biển.

IV. KẾT LUẬN

1. Thành phần các loài cá gần đáy của các tàu thuyền câu tay của ngư dân khai thác ở Trường Sa trong những năm 1995, 1996, 1997 và 2002, 2003 đã bắt gặp 56 họ, 122 giống, 240 loài. Từng chuyến biển riêng biệt thường gặp 11 - 17 họ, 17 - 27 giống, 20 - 46 loài. Những họ có số lượng giống loài nhiều cũng là những họ chiếm tỷ lệ % sản lượng cao. Thành phần loài trong các năm ít thay đổi vị trí tỷ lệ % trong sản lượng các loài cá khai thác được.
2. Sản lượng trung bình khai thác của một tàu trong một chuyến biển 1935kg (800 - 3000 kg). Năng suất khai thác của một người câu trong một ngày trung bình 21.16 kg. Sản lượng và năng suất này tương đối ổn định qua các năm khai thác.
3. Sản lượng và tỷ lệ % cá khai thác được cao nhất là họ cá hồng Lutjanidae, trong đó đặc biệt cao là 2 loài cá đồng trắng và cá đồng đen trong suốt các năm điều tra.
4. Dự tính trữ lượng cá đồng trắng 566.67 tấn, khả năng khai thác 283 tấn, cá đồng đen 148.37 tấn, khả năng khai thác 74 tấn. Từ đó dự tính trữ lượng cá gần đáy 1633- 2380, với khả năng khai thác 969 tấn. Như vậy sản lượng khai thác được còn thấp hơn khả năng cho phép.
5. Nguồn lợi cá gần đáy ở Trường Sa không lớn, khả năng khai thác chỉ khoảng 1000 tấn nên cần phân bổ số lượng tàu thuyền khai thác thích hợp, tránh đánh bắt quá mức cũng như tận dụng tối ưu nguồn lợi này.

Bảng 1. Thành phần các loài hải sản đánh bắt ở vùng biển Trường Sa (1995 - 2003).

Tên khoa học				Tên Việt Nam	Năm thu mẫu				
					1995	1995	1996	1997	2003
<i>Acanthuridae</i>	<i>Acanthurus</i>	<i>triolestegus</i>	(Linnaeus)	Cá đuôi gai	+				
	<i>Acanthurus</i>	<i>nigricauda</i>	Duncker&Mohr	Cá đuôi gai		+			
	<i>Naso</i>	<i>unicornis</i>	(Forsk.)	Cá một sừng mõm dài	+				
	<i>Naso</i>	<i>lituratus</i>	(Forsk.)	Cá một sừng gai vàng		+			
	<i>Naso</i>	<i>annulatus</i>	(Q.G)	Cá một sừng viền trắng		+			
	<i>Naso</i>	<i>lopezi</i>	Herre	Cá đuôi gai	+				
	<i>Naso</i>	<i>thynnoides</i>	(Valenciennes)	Cá một sừng					+
<i>Alopiidae</i>	<i>Alopias</i>	<i>pelagicus</i>	Nakamura	Cá nhám đuôi dài	+				
<i>Apogonidae</i>	<i>Apogon</i>	<i>apogonides</i>	(Bleeker)	Cá sơn					+
<i>Ariidae</i>	<i>Arius</i>	<i>thalassinus</i>	(Ruppell)	Cá thiếu			+	+	
	<i>Arius</i>	<i>sp</i>		Cá úc	+				
<i>Balistidae</i>	<i>Alutera</i>	<i>monoceros</i>	(Linnaeus)	Cá bò một gai lng	+				+
	<i>Balistapus</i>	<i>undulatus</i>	(Park)	Cá bò đen	+	+			
	<i>Balistapus</i>	<i>aculeatus</i>	(Linnaeus)	Cá bò da gai	+		+		
	<i>Canthidermis</i>	<i>rotundatus</i>	(P)	Cá bò vẩy tròn	+				
	<i>Canthidermis</i>	<i>maculatus</i>	(Bloch)	Cá bò	+				
	<i>gen.sp</i>			Cá bò					+
<i>Belonidae</i>	<i>Ablennes</i>	<i>hians</i>	(C.V)	Cá nhái vằn	+				
<i>Caesionidae</i>	<i>Caesio</i>	<i>erythrogaster</i>	C.V	Cá miên lớn	+				
	<i>Caesio</i>	<i>caerulaurea</i>	Lacepede	Cá miên sọc vàng					+
	<i>Caesio</i>	<i>lunaris</i>	Cuvier	Cá miên					+
	<i>Caesio</i>	<i>spp</i>		Cá chàm bì				+	+

	<i>Pterocasio</i>	<i>xanthurus</i>	(Bleeker)	Cá chàm	+		+	+	
	<i>Pterocasio</i>	<i>tile</i>	(Cuvier)	Cá chàm	+				
	<i>Pterocasio</i>	<i>marri</i>	Schultz	Cá chàm					+
	<i>Pterocasio</i>	<i>sordida</i>	Abe & Shinohara	Cá chàm					+
	<i>Pterocasio</i>	<i>spp</i>		Cá múm trắng, cá đồng			+	+	+
Carangidae	<i>Alectis</i>	<i>ciliaris</i>	Forskål	Cá ông lão	+		+		+
	<i>Caranx</i>	<i>sexfasciatus</i>	Q.G	Cá háo 6 sọc	+				+
	<i>Caranx</i>	<i>fulvoguttatus</i>	(Forskål)	Cá khế dốm vàng	+				
	<i>Caranx</i>	<i>ignobilis</i>	(Forskål)	Cá tráo lớn		+			
	<i>Caranx</i>	<i>spp</i>		Cá khế			+	+	+
	<i>Decapterus</i>	<i>kurroides</i>	Bleeker	Cá nục đỏ đuôi	+				
	<i>Elagatis</i>	<i>bipinnulatus</i>	Q.G	Cá sọc mốp, Cá cam thoi	+		+	+	
	<i>Megalaspis</i>	<i>cordyla</i>	(Linnaeus)	Cá sòng gió	+		+		
	<i>Naucrates</i>	<i>ductor</i>	(Linnaeus)	Cá cam thuyền					+
	<i>Selar</i>	<i>crumenophthalmus</i>	(Bloch)	Cá tráo mắt to		+	+		+
	<i>Seriola</i>	<i>aureovittata</i>	T.Sch	Cá cam sọc vàng	+				
	<i>Seriola</i>	<i>rivoliana</i>	Valenciennes	Cá cam	+				
	<i>Seriola</i>	<i>dumerili</i>	(Risso)	Cá cam	+		+		
	<i>Seriola</i>	<i>nigrofasciata</i>	(Ruppell)	Cá cam đen			+		
	<i>Seriola</i>	<i>spp</i>		Cá cam			+	+	
	<i>Ulua</i>	<i>mandibularis</i>	Lacleay	Cá khế lọc mang dài	+				
	<i>Uraspis</i>	<i>helvola</i>	(Forster)	Cá hiệu miệng đen					+
Carcharhinidae	<i>Carcharhinus</i>	<i>menisorrah</i>	(M.H)	Cá mập mã lai	+		+		
	<i>Carcharhinus</i>	<i>sorrah</i>	(M.H)	Cá mập sô-ra	+				
	<i>Carcharhinus</i>	<i>dussumieri</i>	(Müller & Henle)	Cá mập Đúc-su					+
	<i>Carcharhinus</i>	<i>melanopterus</i>	(Q.G)	Cá mập vây đen					+
	<i>Carcharhinus</i>	<i>spp</i>		Cá mập	+			+	

	<i>Galeocerdo</i>	<i>cuvier</i>	(Lesueur)	Cá mập báo, cá xà	+				
	<i>Mustelus</i>	<i>griseus</i>	(Pietschmann)	Cá nhám tro	+		+		
	<i>Mustelus</i>	<i>kanekonis</i>	Tanaka	Cá nhám vây tróc	+				
	<i>Scoliodon</i>	<i>sorrakowah</i>	(Cuvier)	Cá nhám răng chếch	+				
	<i>Scoliodon</i>	<i>walbeehmii</i>	(Bleeker)	Cá nhám răng chếch dài	+				
Chaetodontidae	<i>Chaetodon</i>	<i>striatus</i>	Linnaeus	Cá bóm	+				
	<i>Chaetodon</i>	<i>speculum</i>	Cuvier	Cá bóm gong	+				
	<i>Chaetodon</i>	<i>auriga</i>	Forskål	Cá bóm nàng ðào	+				
	<i>Chaetodon</i>	<i>lineolatus</i>	Cuvier	Cá bóm viên hồng	+				
	<i>Heniochus</i>	<i>acuminatus</i>	(Linnaeus)	Cá bóm gà	+				
	<i>Heniochus</i>	<i>chrysostomus</i>	Cuvier	Cá bóm	+				
	<i>Pomacanthus</i>	<i>imperator</i>	(Bloch)	Cá bóm ðế	+				
	<i>Pygoliptes</i>	<i>diacanthus</i>	(Boddaert)	Cá bóm	+				
Coryphaenidae	<i>Coryphaena</i>	<i>hippurus</i>	Linnaeus	Cá nục heo	+		+		+
Dasyatidae	<i>Dasyatis</i>	<i>uarnak</i>	(Forskål)	Cá đuối bông gai	+		+	+	
Exocoetidae	<i>Exocoetus</i>	<i>volitans</i>	Linnaeus	Cá chuồn bay	+	+			
Fistulariidae	<i>Fistularia</i>	<i>petimba</i>	Lacepede	Cá lao, cá mồm ống	+				
Gempylidae	<i>Thyrsoitoides</i>	<i>marleyi</i>	Fowler	Cá thu hó	+				
Glaucosomidae	<i>Glaucosoma</i>	<i>burgeri</i>	Richardson	Cá la rau	+		+	+	
Heterodontidae	<i>Heterodontus</i>	<i>zebra</i>	(Gray)	Cá nhám hổ	+				+
Holocentridae	<i>Holocentrus</i>	<i>samara</i>	(Forskål)	Cá sơn đá mình dài	+				
	<i>Myripristis</i>	<i>murdjan</i>	(Forskål)	Cá sơn đá vẩy răng ca	+	+	+	+	
	<i>Myripristis</i>	<i>hexagona</i>	(Lacepede)	Cá sơn đá		+			
	<i>Myripristis</i>	<i>chryseres</i>	Ford&Ever	Cá sơn đá vẩy vàng		+			
	<i>Myripristis</i>	<i>vittata</i>	Cuvier	Cá sơn đá		+			
	<i>Myripristis</i>	<i>botche</i>	Cuvier	Cá sơn đá					+
	<i>Neoniphon</i>	<i>opercularis</i>	(Adiorgse)	Cá sơn đá	+	+			

	<i>Sagocentron</i>	<i>sammara</i>	(Forsk.)	Cá sơn đá chấm đỏ		+			
	<i>Sagocentron</i>	<i>caudimaculatum</i>	(Ruppell)	Cá sơn đá đuôi chấm		+			
	<i>Sagocentron</i>	<i>spiniferum</i>	(Forsk.)	Cá sơn đá hàm dài		+			
	<i>Sagocentron</i>	<i>punctatissimam</i>	(Cuvier)	Cá sơn đá		+			
Istiophoridae	<i>Istiophorus</i>	<i>platypterus</i>	(Shaw)	Cá cờ, cá buồm	+		+	+	
Kyphosidae	<i>Kyphosus</i>	<i>cinerascens</i>	(Forsk.)	Cá dầm	+				
	<i>Kyphosus</i>	<i>lembus</i>	(C.V)	Cá dầm	+				
Labridae	<i>Cheilinus</i>	<i>fasciatus</i>	Bloch	Cá mó 5 sọc	+				
	<i>Cheilinus</i>	<i>triobatus</i>	Lacepede	Cá mó 3 chày	+	+			
	<i>Epibulus</i>	<i>insidiator</i>	(Pallas)	Cá mó bịp	+				
	<i>Halichoeres</i>	<i>hortulanus</i>	(Lacepede)	Cá mó ma		+			
	<i>Hemigymnus</i>	<i>melapterus</i>	(Bloch)	Cá mó trót		+			
	<i>Xyrichtys</i>	<i>dea</i>	T.Sch	Cá bàng chài	+				
	<i>Xyrichtys</i>	<i>spp</i>		Cá mó, cá bàng chài					+
	<i>Lethrinus</i>	<i>miniatus</i>	(Forsk.)	Cá hề mõm dài (vằn)	+		+		+
	<i>Lethrinus</i>	<i>elongatus</i>	Valenciennes	Cá hề (mõm nhọn)	+				+
	<i>Lethrinus</i>	<i>nematacanthus</i>	Bleeker	Cá hề vằn	+				
Lethrinidae	<i>Lethrinus</i>	<i>nebulosus</i>	Forsk.)	Cá hề	+		+	+	
	<i>Lethrinus</i>	<i>haematopterus</i>	Bleeker, T.Schl	Cá hề vẩy đỏ	+				
	<i>Lethrinus</i>	<i>ramak</i>	Forsk.)	Cá hề sọc vàng	+				
	<i>Lethrinus</i>	<i>ornatus</i>	C.V	Cá hề mõm ngắn	+	+			
	<i>Lethrinus</i>	<i>choerorhynchus</i>	(Schneider)	Cá hề	+				
	<i>Lethrinus</i>	<i>obsoletus</i>	(Forsk.)	Cá hề sọc vàng		+			
	<i>Lethrinus</i>	<i>sp1</i>		Cá hề, dầm trắng			+	+	
	<i>Lethrinus</i>	<i>sp2</i>		Cá hề, dầm đá			+		
	<i>Lethrinus</i>	<i>spp</i>		Cá hề					+
Lobotidae	<i>Lobotes</i>	<i>surinamensis</i>	Bloch	Cá kền	+				
Lutianidae	<i>Aphareus</i>	<i>furca</i>	(Lacepede)	Cá hồng náng	+		+		+

<i>Aphareus</i>	<i>rutilans</i>	Cuvier	Cá hồng náng (huệ)	+					+
<i>Aphareus</i>	<i>sp</i>		Cá hồng						+
<i>Aprion</i>	<i>viorescens</i>	Valenciennes	Cá sọ dừa	+		+	+		
<i>Apsilus</i>	<i>fuscus</i>	Valenciennes		+					
<i>Etelis</i>	<i>carbunculus</i>	Cuvier	Cá hồng kim công	+	+				
<i>Etelis</i>	<i>coruscans</i>	Valenciennes	Cá hồng kim công	+					+
<i>Etelis</i>	<i>sp</i>		Cá hồng						+
<i>Lipocheilus</i>	<i>carnolabrum</i>	Chan							+
<i>Lutianus</i>	<i>bohar</i>	(Forsk.)	Cá hồng hai chấm		+				
<i>Lutianus</i>	<i>nematophorus</i>	Bleeker	Cá hồng róc	+					
<i>Lutianus</i>	<i>argentimaculatus</i>	(Forsk.)	Cá hồng bạc	+	+				
<i>Lutianus</i>	<i>gibbus</i>	(Forsk.)	Cá hồng bụng cong	+	+				
<i>Lutianus</i>	<i>kasmira</i>	(Forsk.)	Cá hồng bốn sọc	+	+				+
<i>Lutianus</i>	<i>lineolatus</i>	Ruppell	Cá hồng vàng sọc mờ	+					
<i>Lutianus</i>	<i>malabaricus</i>	(Schneider)	Cá hồng ma-la-ba	+					+
<i>Lutianus</i>	<i>sanguineus</i>	(Cuvier)	Cá hồng	+		+			+
<i>Lutianus</i>	<i>vaigiensis</i>	Q.G	Cá hồng trơn	+					
<i>Lutianus</i>	<i>sebae</i>	(Cuvier)	Cá hồng lang			+			
<i>Lutianus</i>	<i>vitta</i>	Q.G	Cá hồng dải đen	+					+
<i>Lutianus</i>	<i>lutianus</i>	Bloch	Cá hồng						+
<i>Lutianus</i>	<i>spp</i>		Cá hồng			+	+		+
<i>Macolor</i>	<i>niger</i>	(Forsk.)	Cá hồng đen	+					
<i>Macolor</i>	<i>macularis</i>	Fowler	Cá hồng đen	+					
<i>Pinjalo</i>	<i>pinjalo</i>	Bleeker	Cá hồng vẩy xiên	+		+			+
<i>Pristipomoides</i>	<i>filamentosus</i>	(Cuvier)	Cá tía	+	+	+	+		+
<i>Pristipomoides</i>	<i>multidens</i>	(Day)	Cá tía	+	+	+	+		+
<i>Pristipomoides</i>	<i>auricilla</i>	(Jordan, Evermann & Tanaka)	Cá tía	+					

	<i>Pristipomoides</i>	<i>desamoenus</i>	?	Cá tía	+				
	<i>Pristipomoides</i>	<i>sieboldi</i>	(Bleeker)	Cá tía					+
	<i>Pristipomoides</i>	<i>zonatus</i>	(Valenciennes)	Cá tía giải vàng					+
	<i>Pristipomoides</i>	<i>spp</i>		Cá tía			+	+	+
Mullidae	<i>Mulloides</i>	<i>vanicolensis</i>	(Valenciennes)	Cá phèn giải đen		+			
	<i>Mulloides</i>	<i>flavolineatus</i>	(Lacepede)	Cá phèn giải vàng		+			
	<i>Parapeneus</i>	<i>barberinus</i>	Lacepede	Cá phèn hồng	+		+		
	<i>Parapeneus</i>	<i>chryserydros</i>	Lacepede	Cá vèn vẩy sọc	+				
	<i>Parapeneus</i>	<i>multifasciatus</i>	(Quoy & Gaimard)	Cá phèn sọc	+	+			
Muraenesocidae	<i>Muraenesox</i>	<i>talabon</i>	(Cantor)	Cá da			+	+	
Muraenidae	<i>Gymnothorax</i>	<i>sp</i>		Cá lịch	+				+
Myliobatidae	<i>Aetomylaeus</i>	<i>milvus</i>	(M.H)	Cá ó điểm hoa	+				
	<i>Aetomylaeus</i>	<i>nicholfii</i>	(Bloch&Schneider)	Cá ó không gai	+				
	<i>Myliobatis</i>	<i>narinari</i>	(Euphrasen)	Cá ó đầu bò	+				
Nemipteridae	<i>Nemipterus</i>	<i>nematophorus</i>	(Bleeker)	Cá lợng dài vây lợng		+			
	<i>Nemipterus</i>	<i>japonicus</i>	(Bloch)	Cá lợng nhật					+
	<i>Nemipterus</i>	<i>virgatus</i>	(Houttuyn)	Cá lợng dài vây đuôi					+
	<i>Parascolopsis</i>	<i>inermis</i>	(Temminck & Schlegel)	Cá dơi					+
	<i>Scolopsis</i>	<i>taeniatus</i>	(Cuvier)	Cá dơi sọc nâu					+
	<i>Scolopsis</i>	<i>sp</i>		Cá dơi					+
Ophichthidae	<i>Pisodonophis</i>	<i>sp</i>		Cá chình, Cá nhệch					+
Orectolobidae	<i>Chiloscyllium</i>	<i>plagiossum</i>	(Bennett)	Cá nhám trúc vằn	+				
	<i>Stegostoma</i>	<i>fasciatus</i>	(Hermann)	Cá nhám nhu mì	+				
Owstonidae	<i>Owstonia</i>	<i>sp</i>			+				
Pentapodidae	<i>Grathodentex</i>	<i>aurolineanus</i>	(Lacepede)	Cá tráp kẻ vàng		+			
	<i>Gymnocrasius</i>	<i>griseus</i>	(Schlegel)	Cá bạch điều	+				
	<i>Gymnocrasius</i>	<i>euanus</i>	(Gunther)	Cá lợng đầu tròn		+			

	<i>Monotaxis</i>	<i>grandoculis</i>	(Forsk.)	Cá tráp răng tròn	+	+			
	<i>Pentapus</i>	<i>setosus</i>	C.V	Cá tráp nhiều gai	+				
Peristediidae	<i>Satyrichthys</i>	<i>rieffeli</i>	Kacep	Cá chai vàng	+				
Pinguipedidae	<i>Parapercis</i>	<i>spp</i>		Cá giả bống					+
Platacidae	<i>Platax</i>	<i>teira</i>	(Forsk.)	Cá nhan	+				
	<i>Platax</i>	<i>pinnatus</i>	Linnaeus	Cá nhan	+				
Pomacentridae	<i>Abudefduf</i>	<i>vaigiensis</i>	Q.G	Cá thia 5 sọc	+				
	<i>Pomacentrus</i>	<i>nagasakiensis</i>	Tanaka	Cá thia	+				
	<i>Pomacentrus</i>	<i>sp</i>		Cá thia	+				
Pomadasyidae	<i>Plectorhynchus</i>	<i>pictus</i>	(Thunberg)	Cá kềm hoa	+		+		
	<i>Plectorhynchus</i>	<i>cinctus</i>	(T.Sch)	Cá kềm lang	+		+		
	<i>Plectorhynchus</i>	<i>diagrammus</i>	Linnaeus	Cá kềm sọc bạc	+	+			
	<i>Plectorhynchus</i>	<i>spp</i>		Cá kềm				+	
Priacanthidae	<i>Priacanthus</i>	<i>macracanthus</i>	(Cuv et Val)	Cá trác ngắn			+		+
	<i>Priacanthus</i>	<i>hamrur</i>	(Forsk.)	Cá trác đỏ					+
	<i>Pseudopriacanthus</i>	<i>niphonius</i>	C.V	Cá giả trác	+				
Rachycentridae	<i>Rachycentron</i>	<i>canadum</i>	(Linnaeus)	Cá bóp	+		+	+	
Rhinobatidae	<i>Rhinobatos</i>	<i>hynnicephalus</i>	Richardson	Cá giống dài	+				
	<i>Rhinobatos</i>	<i>schlegelii</i>	M.H	Cá giống lõi cày	+				
	<i>Rhynchobatus</i>	<i>djiddensis</i>	(Forsk.)	Cá giống sao	+				
Scaridae	<i>Bolbometopon</i>	<i>muricatum</i>	(Valenciennes)	Cá mỏ vẹt	+				
	<i>Calotomus</i>	<i>carolinus</i>	(Valenciennes)	Cá mó		+			
	<i>Hipposcarus</i>	<i>longiceps</i>	(Valenciennes)	Cá vẹt mõm dài		+			
	<i>Scarus</i>	<i>rivulatus</i>	C.V	Cá mó vằn vện	+				
	<i>Scarus</i>	<i>sordidus</i>	Forsk.)	Cá mó môi vàng	+	+	+		
	<i>Scarus</i>	<i>psittatus</i>	(Forsk.)	Cá mó vẹt mõm nhạt		+			
	<i>Scarus</i>	<i>ghobban</i>	Forsk.)	Cá mỏ lửa xanh	+	+			
	<i>Scarus</i>	<i>gloiceps</i>	Valenciennes	Cá mỏ vẹt đầu tròn		+			

	<i>Scarus</i>	<i>dimidiatus</i>	Bleeker	Cá mỏ vẹt		+			
	<i>Scarus</i>	<i>spp</i>		Cá mỏ vẹt	+				
Scombridae	<i>Acanthocybium</i>	<i>solandri</i>	(Cuvier)	Cá thu ngang	+				+
	<i>Auxis</i>	<i>thazard</i>	(Lacepede)	Cá ngừ chù	+		+		+
	<i>Auxis</i>	<i>rochei</i>	(Risso)	Cá ngừ ô	+				
	<i>Euthynnus</i>	<i>affinis</i>	(Cantor)	Cá ngừ chám	+		+		+
	<i>gen.sp1</i>			Cá ngừ				+	
	<i>gen.sp2</i>			Cá thu				+	
	<i>Grammatorcynus</i>	<i>bicarinatus</i>	(Q.G)	Cá thu chỉ	+		+		
	<i>Gymnosarda</i>	<i>unicolor</i>	(Cantor)	Cá thu ngừ	+	+			
	<i>Katsuwonus</i>	<i>pelamis</i>	(Bleeker)	Cá ngừ vằn	+		+		+
	<i>Sarda</i>	<i>orientalis</i>	(T.Sch)	Cá ngừ phong đông	+				
	<i>Scomberomorus</i>	<i>guttatus</i>	(Valenciennes)	Cá thu chám	+				
	<i>Scomberomorus</i>	<i>commersoni</i>	(Lacepede)	Cá thu vạch	+		+		
	<i>Thunnus</i>	<i>obesus</i>	(Lowe)	Cá ngừ mắt to	+	+	+		
	<i>Thunnus</i>	<i>tonggol</i>	(Bleeker)	Cá ngừ bò	+		+		
	<i>Thunnus</i>	<i>albacares</i>	(Bonnaterre)	Cá ngừ vây vàng	+				+
Scyliorhinidae	<i>Halaehurus</i>	<i>burgeri</i>	(M.H)	Cá nhám hoa mai	+				
	<i>Cephalopholis</i>	<i>argus</i>	Bloch&Schneider	Cá mú bíp, cá mú chám nâu	+				
	<i>Cephalopholis</i>	<i>boenack</i>	Bloch	Cá mú kẻ mờ	+				
	<i>Cephalopholis</i>	<i>igarashiensis</i>	Katayama	Cá mú	+				
	<i>Cephalopholis</i>	<i>pachycentron</i>	(Valenciennes)	Cá mú than	+				
	<i>Cephalopholis</i>	<i>sonnerati</i>	(Valenciennes)	Cá mú đỏ nâu, đầu đốm trắng	+		+		
	<i>Cephalopholis</i>	<i>spp</i>		Cá mú			+		+
	<i>Cephalopholis</i>	<i>urodelus</i>	(Forskala)	Cá mú đuôi cò	+				
	<i>Cromileptes</i>	<i>altivelis</i>	(C.V)	Cá mú đét, cá mú heo	+		+		
	<i>Epinephelus</i>	<i>akaara</i>	(T.Sch)	Cá mú chám đỏ, song	+				

				đỏ					
<i>Epinephelus</i>	<i>amblycephalus</i>	Bleeker	Cá mú 7 vạch	+					+
<i>Epinephelus</i>	<i>areolatus</i>	(Forsk.)	Cá mú chấm, cá mú khoang	+		+			+
<i>Epinephelus</i>	<i>awoara</i>	(T.Sch)	Cá mú đen, song gio	+					
<i>Epinephelus</i>	<i>bleekeri</i>	(Vailant-Bocourt)	Cá song Bơ-lec-ke-ri	+					
<i>Epinephelus</i>	<i>chlorostigma</i>	(Valenciennes)	Cá song chấm xanh	+					
<i>Epinephelus</i>	<i>diacanthus</i>	(Valenciennes)	Cá mú sọc ngang	+					+
<i>Epinephelus</i>	<i>epistictus</i>	(T.Sch)	Cá song chấm đen	+	+	+			
<i>Epinephelus</i>	<i>fario</i>	(Thunberg)	Cá mú sao	+					
<i>Epinephelus</i>	<i>fasciatomaculatus</i>	Peters	Cá mú dày lng	+					
<i>Epinephelus</i>	<i>fasciatus</i>	(Forsk.)	Cá mú sọc ngang	+	+				
<i>Epinephelus</i>	<i>heniochus</i>	Fowler	Cá song						+
<i>Epinephelus</i>	<i>latifasciatus</i>	(Schlegel)	Cá mú sọc dọc	+					+
<i>Epinephelus</i>	<i>leunneus</i>	(Bloch)	Cá mú			+	+		
<i>Epinephelus</i>	<i>maculatus</i>	(Bloch)	Cá mú chấm to	+					
<i>Epinephelus</i>	<i>malabaricus</i>	(Bloch&Schneider)	Cá song điểm gai						+
<i>Epinephelus</i>	<i>megachir</i>	(Richardson)	Cá mú chấm to	+					
<i>Epinephelus</i>	<i>merra</i>	Bloch	Cá mú chấm tổ ong		+				
<i>Epinephelus</i>	<i>moara</i>	(T.Sch)	Cá mú vân mây	+					
<i>Epinephelus</i>	<i>morrhua</i>	(Valenciennes)	Cá mú dấy	+	+				+
<i>Epinephelus</i>	<i>poecilonotus</i>	(Temminck & Schlegel)	Cá mú	+					
<i>Epinephelus</i>	<i>septemfasciatus</i>	(Thunberg)	Cá mú 7 sọc ngang						+
<i>Epinephelus</i>	<i>sexfasciatus</i>	(Valenciennes)	Cá mú sáu sọc, mú lai			+			
<i>Epinephelus</i>	<i>spp</i>		Cá mú			+			+
<i>Epinephelus</i>	<i>tauvina</i>	(Forsk.)	Cá mú ruồi	+					
<i>Plectropomus</i>	<i>laevis</i>	(Lacepede)	Cá mú	+					
<i>Plectropomus</i>	<i>leopardus</i>	(Lacepede)	Cá mú chấm bé	+					

	<i>Plectropomus</i>	<i>maculatus</i>	Bloch	Cá mú chấm to	+				
	<i>Plectropomus</i>	<i>sp</i>		Cá mú					+
	<i>Promileptes</i>	<i>lanceolatus</i>	(Bloch)	Cá mú song			+		
	<i>Variola</i>	<i>albimarginata</i>	Baissac	Cá mú	+				
	<i>Variola</i>	<i>louti</i>	(Forsk.)	Cá mú	+				
Siganidae	<i>Evinnis</i>	<i>cardinalis</i>	(Lacepede)	Cá bánh đồng					+
	<i>Siganus</i>	<i>javus</i>	(Linnaeus)	Cá đĩa xanh	+				
	<i>Siganus</i>	<i>canaliculatus</i>	(Park)	Cá đĩa chấm xanh	+				
	<i>Siganus</i>	<i>fuscus</i>	(Houttuyn)	Cá đĩa tro		+			
	<i>Siganus</i>	<i>punctatissimus</i>	Fowler&Bean	Cá đĩa chấm nhỏ		+			
Sparidae	<i>Argyrops</i>	<i>bleekeri</i>	Oshima	Cá miên sành 4 gai	+		+	+	
	<i>Pagrosomus</i>	<i>major</i>	(T.Sch)	Cá tráp đỏ	+				
	<i>Taius</i>	<i>tumifrons</i>	(T.Sch)	Cá tráp vàng	+				
Sphyraenidae	<i>Sphyraena</i>	<i>jello</i>	C.V	Cá nhông đuôi vàng	+		+		
	<i>Sphyraena</i>	<i>obtusata</i>	C.V	Cá nhông đuôi vàng	+				
	<i>Sphyrna</i>	<i>lewini</i>	(Griffith)	Cá nhám búa	+				
Squalidae	<i>Squalus</i>	<i>brevirostris</i>	Tanaka	Cá nhám góc mõm ngắn	+				+
Synodidae	<i>Saurida</i>	<i>tumbil</i>	(Bloch)	Cá mối thồng			+	+	
	<i>Synodus</i>	<i>variegatus</i>	(Lacepede)	Cá mối vện	+				
Tetraodontidae	<i>Lagocephalus</i>	<i>lunaris</i>	(Bloch&Schneider)	Cá nóc tro					+
Theraponidae	<i>Therapon</i>	<i>theraps</i>	C.V	Cá cãng	+				+
Torpedinidae	<i>Narke</i>	<i>sp</i>		Cá đuối điện	+				
Triodontidae	<i>Triodon</i>	<i>macropterus</i>	Lesson	Cá nóc					+
Zanclidae	<i>Zanclus</i>	<i>cornutus</i>	(Linnaeus)	Cá thu lu	+				